



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be Commune, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 40/2026

(30/09/2025 – 06/10/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, thị trường chững lại vài nhịp khi các quốc gia Châu Á nghỉ lễ (Trung Quốc đang trải qua tuần lễ vàng từ ngày 1-7/10, Hàn Quốc nghỉ lễ ngày 5/10 (và ngày 9/10 sắp tới)). Chỉ số BDI tiếp tục giảm 176 điểm (↓5,5%) còn 3.002 điểm. Các chỉ số thuê tàu đồng loạt giảm như sau: Capesize BCI giảm thêm 465 điểm (↓9,1%) còn 4.638 điểm. Panamax BPI giảm nhẹ 24 điểm (↓1%) còn 2.366 điểm. Supramax BSI giảm 2 điểm (↓0,1%) còn 1.795 điểm, Handysize BHI giảm 8 điểm (↓0,78%). Nhìn chung, hai phân khúc Supramax và Handysize khá ổn định và khỏe mạnh, chỉ số BSI và BHI gần như đi ngang trong 5 tháng qua. Đối với mảng mua bán tàu đã qua sử dụng, các giao dịch vẫn diễn ra đều đặn, đặc biệt hai phân khúc Kamsarmax và Supramax chiếm tiêu điểm tuần với nhiều thương vụ nhất. Ở phân khúc Supramax, tàu **New Horizon** (55.445 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 04/2028, SS 03/2030) được bán với giá khoảng 18,3 triệu đô la Mỹ. Mức này tương tự tàu **Luzon** (55.657 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 1/2028, SS 9/2030) bán cách đây 3 tuần trước với giá khoảng 18,2 triệu đô la Mỹ. Cặp tàu khác là **Oak** và **Juniper** (~57.000 dwt, đóng xưởng STX Dalian, vừa qua đà đặc biệt tháng 3/3026) được bán với giá 16,5 triệu đô la Mỹ/tàu – giá hợp lý trong thị trường hiện nay xét hạn đà tiếp theo còn dài. Trong khi đó, tàu trẻ hơn một tuổi **Prometheus 1** (55.415 dwt, đóng 2012 xưởng Hyundai Vinashin Việt Nam, DD/SS 09/2027) được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khá cao khoảng 19 triệu đô la Mỹ. Tàu **YC Aequer** (57.000 dwt, đóng 2012 Trung Quốc) được bán với giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ - giá này mềm do sắp lên đà đặc biệt tháng 3/2027 (đăng kiểm Trung Quốc CCS). Sang phân khúc Handysize, chủ tàu Singapore bán tàu **Doris** (34.405 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD 03/2029, SS 02/2031) với giá khoảng 13 triệu đô la Mỹ - mức này khá hợp lý trong thị trường hiện nay. Trong một giao dịch cũ, ghi nhận tàu già **Arxagelos** (28.534 dwt, đóng 2007 Nhật, DD/SS 11/2027) được chủ tàu Hy Lạp bàn giao cho người mua nội địa với giá khoảng 7,5 triệu đô la Mỹ - giá rẻ nhất thị trường.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, đường ống dẫn dầu Đông-Tây của Ả Rập Xê Út đã hoạt động trở lại, hiện cải thiện ở mức 5,8 triệu thùng/ngày sau khi gián đoạn bởi nhiều cuộc tấn công. Tuy vậy, các tuyến thương mại trọng yếu ở eo biển Hormuz cũng như khu vực Ả Rập Xê Út đều mang yếu tố rủi ro cao đã biến hoạt động chuyển tải Ship-To-Ship thành một phần của hệ thống xuất khẩu hiện tại. Chi phí vận chuyển và phát sinh liên quan gia tăng không ngừng, như phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh đang leo thang (3% giá trị tàu đối với các tàu chở dầu ở cảng Ả Rập Xê Út so với mức dưới 1% đầu tháng 7). Cước thuê tàu dĩ nhiên ở mức rất cao và mạnh mẽ, nhờ đó chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng phi mã 2.000 điểm (↑36,7%) lên 7.444 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) nhích thêm 75 điểm (↑3,2%) lên 2.368 điểm. Ở hoạt động mua bán tàu đã qua sử dụng, tiếp tục ghi nhận hoạt động mạnh mẽ và sức mua trải đều các phân khúc dù giá rất cao nhất là dòng tàu lớn từ LR trở lên. Đối với phân khúc MR, tàu chemical **STI Soho** (49.990 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, đã lắp máy lọc khí scrubber, máy chính eco, hạn đà dài DD 01/2028, SS 12/2029) được bán với giá khoảng 37 triệu đô la Mỹ. Một tàu khác là chemical **Green Planet** (50.844 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, DD 04/2027, SS 04/2029) lại được bán với giá khoảng 36,5 triệu đô la Mỹ. Giá hai tàu trên đều “thụt lùi” nếu so với tàu tương tự bán tuần trước là **STI Dama** (49.999 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, DD 07/2027, SS 07/2029) giá khoảng 37,5 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Bulk Joyance	2012	China	175,636	31.10	Chinese	<i>Revised deal reported on 05/2026 at USD33mil not correct</i> , DD/SS 04/2027
Ekaterini V	2012	China	173,555	35.00	Far Eastern	DD/SS 01/2027
Constantinos G.O.	2011	China	87,447	16.00	Undisclosed	Grain clean, DD 06/2028, SS 03/2031
Densa Pelican	2012	Korea	82,744	20.50	Undisclosed	DD/SS 10/2027
Kirribilli	2011	Japan	82,206	22.75	Undisclosed	DD 11/2028, SS 11/2030
World Diana	2020	Japan	82,031	41.00	Undisclosed	Scrubber fitted, eco M/E, DD 05/2028, SS 04/2030
New Wavelet	2021	NACKS, China	81,984	38.80	Undisclosed	<i>Revised the price (previous week reported at USD42mil)</i> , eco M/E, DD passed 08/2026, next DD/SS 07 10/2029
Moon	2012	Korea	80,505	18.00	Undisclosed	DD/SS due 02/2027
AH Globe	2005	China	74,432	11.50	Undisclosed	DD 01/2029, SS 11/2030
Oak	2011	STX Dalian, China	57,275	33.00	Undisclosed	DD/SS passed 03/2026
Juniper	2011	STX Dalian, China	57,185			DD/SS passed 03/2026
YC Aequor	2012	China	57,000	13.80	Undisclosed	DD/SS 03/2027
New Horizon	2010	Japan	55,445	18.30	Undisclosed	DD 04/2028, SS 03/2030
Prometheus 1	2012	Hyundai Vinashin, Vietnam	55,415	19.00	Greek	DD/SS 09/2027
SSI Avenger	2004	Japan	52,949	Undisclosed	Undisclosed	DD 11/2027, SS 10/2029
Sider Bellezza	2026	Japan	39,855	38.50	Undisclosed	OHBS, eco M/E, DD/SS passed 06/2026, next DD 06/2029, SS 06/2031
Doris	2011	Korea	34,405	13.00	Greek	DD 03/2029, SS 02/2031
Matrozos	2010	China	33,002	9.50	HK-based	Old sale, DD/SS 03/2028
Arxagelos	2007	Japan	28,534	7.50	Greek	Old sale and delivered, DD/SS 11/2027
TANKERS						
Eurospirit	2011	Korea	320,105	153.00	Middle Eastern	Scrubber fitted, DD/SS due 11/2026
Hyde Park I	2027	China	306,000	Undisclosed	Undisclosed	Scrubber fitted, eco M/E, DD 01/2028, SS 12/2031

Nordic Freedom	2005	Korea	159,331	65.00	Undisclosed	DD 04/2028, SS 03/2030
Tianlong	2009	China	159,021	88.00	Undisclosed	DD due 11/2026, SS 01/2029
NB Samsung H2764	2009	Korea	156,850	Undisclosed	Great Eastern	NB resale, sold by Zodiac Maritime
Tataki	2010	China	149,992	97.00	Dynacom	Scrubber fitted, DD 01/2028, SS 01/2030
Karolos	2009	China	149,991	90.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 12/2027, SS 12/2029
Advantage Atom	2011	Korea	116,014	52.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS passed 06/2026, next DD 05/2029, SS 07/2031
STI Elysees	2014	Korea	109,999	70.00	Greek	Scrubber fitted, eco M/E, DD09/2027, SS 07/2029
STI Veneto	2015	Korea	109,999	73.00		Scrubber fitted, eco M/E, DD 01/2028, SS 01/2030
Jag Sparrow	2015	Korea	74,999	23.50	Undisclosed	CPP trading, DD 07/2027, SS 07/2030
Bluebird	2016	China	74,074	55.00	Yasa Tankers	CPP trading, DD/SS passed 06/2026
Starling	2016	China	74,033	55.00		CPP trading, DD/SS passed 07/2026
Chemtrans Taurus	2006	China	72,782	20.00	Undisclosed	Old sale, DD/SS due
Torm Laura	2008	China	53,160	22.50	Undisclosed	Old sale, scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class super 1A, M/E Wartsila flex, DD/SS 05/2028
Green Planet	2014	Korea	50,844	36.50	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, eco M/E, DD 04/2027, SS 04/2029
Valle Azzurra	2007	Korea	49,999	20.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS 12/2027
MP Mr Tanker 1	2011	Korea	49,999	29.70	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 01/2029, SS 01/2031
STI Soho	2014	Korea	49,990	37.00	Undisclosed	Deepwell, scrubber fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, eco M/E, DD 01/2028, SS 12/2029
Angel Star	2006	Japan	48,635	17.50	Undisclosed	DD 07/2027, SS 07/2029
Akar West	2003	Russia	47,199	4.50	Undisclosed	DPP trading, DD due 10/2026, SS 11/2028

Angel 7	2003	Korea	46,346	10.30	UAE-based	Old sale, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS 05/2028
Easterly Juniper	2009	Korea	36,677	19.00	Undisclosed	<i>Previous deal on 05/2026 at USD20mil failed, chemical IMO II, epoxy coated, DD 05/2027, SS 02/2029</i>
CONTAINERS						
Cosco Hamburg	2001	Japan	69,193	32.00	Undisclosed	5618 teu, reefers 500 teu, ice class II, DD/SS due 10/2026
Cosco Felixstowe	2002	China	69,107	32.00		5618 teu, reefers 500 teu, ice class II DD/SS due 04/2027
Jifa Beihai	2018	China	20,676	12.20	Undisclosed	1184 teu, ice class II
OTHERS						
Kmarin Diamond	2008	Korea	84,553	65.00	Indonesian	LPG 151883cbm, DD due, SS 10/2028
CYH Quanzhou	2016	Korea	54,747		UAE-based, ADNOC	LPG 82478cbm, eco M/E, DD/SS due 11/2026
CYH Yongchun	2014	Korea	54,336	220.00		LPG 82460cbm, eco M/E, DD 10/2027, SS 09/2029
CYH Fujian	2015	Korea	54,501			LPG 82320cbm, eco M/E, DD 05/2028, SS 06/2030
Hellas Hercules	2015	Korea	54,361	95.50	UAE-based, SPM Shipping	LPG 84134cbm, eco M/E, DD 10/2028, SS 10/2030

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	09/2026	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE						
180k dwt Resale	86.00	3%	6%	7%	12%	65.25
180k dwt 5 tuổi	75.00	3%	5%	9%	18%	51.00
170k dwt 10 tuổi	59.00	4%	5%	12%	20%	36.25
150k dwt 15 tuổi	39.00	5%	7%	13%	42%	23.25
PANAMAX						
82k dwt Resale	47.00	2%	4%	11%	19%	38.50
82k dwt 5 tuổi	42.00	2%	5%	14%	29%	32.25
76k dwt 10 tuổi	33.50	6%	10%	18%	29%	23.50
74k dwt 15 tuổi	23.00	5%	7%	19%	44%	15.50
SUPRAMAX						
62k dwt Resale	44.00	1%	2%	5%	14%	36.75
58k dwt 5 tuổi	39.00	1%	3%	5%	23%	29.00
56k dwt 10 tuổi	30.00	3%	7%	7%	27%	21.00
52k dwt 15 tuổi	19.50	8%	8%	25%	25%	14.25
HANDYSIZE						
37k dwt Resale	37.50	0%	4%	6%	14%	30.75
37k dwt 5 tuổi	31.00	0%	2%	11%	17%	24.50
32k dwt 10 tuổi	24.00	0%	0%	14%	17%	17.00
28k dwt 15 tuổi	13.00	0%	0%	4%	8%	10.50
Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	09/2026	1M	3M	6M	12M	
VLCC						
310k dwt Resale	230.00	26%	31%	31%	55%	125.75
310k dwt 5 tuổi	200.00	27%	38%	43%	69%	97.25
250k dwt 10 tuổi	180.00	36%	57%	64%	105%	72.00
250k dwt 15 tuổi	160.00	60%	92%	100%	176%	51.50
SUEZMAX						
160k dwt Resale	150.00	15%	26%	39%	60%	85.25
150k dwt 5 tuổi	130.00	20%	25%	48%	71%	67.50
150k dwt 10 tuổi	110.00	31%	24%	55%	80%	52.00
150k dwt 15 tuổi	90.00	30%	36%	70%	120%	36.75
AFRAX						
110k dwt Resale	110.00	16%	19%	26%	47%	71.00
110k dwt 5 tuổi	90.00	6%	13%	24%	44%	57.50
105k dwt 10 tuổi	80.00	10%	14%	33%	60%	44.25
105k dwt 15 tuổi	70.00	23%	37%	63%	100%	31.00
MR						
52k dwt Resale	60.00	3%	-2%	5%	15%	47.50
52k dwt 5 tuổi	50.00	4%	-2%	6%	19%	38.25
45k dwt 10 tuổi	40.00	5%	-2%	8%	25%	28.25
45k dwt 15 tuổi	27.00	4%	-7%	4%	46%	19.50

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	250.00	2	Hanwha	Zodiac Maritime	SH 2029	Price per unit
LNG	174,000 cbm	247.50	2	K Line	Samsung	May 2029	Price per unit
Tankers	320,000 dwt	135.00	2	Hengli	Scorpio	SH 2028	Price per unit
Tankers	157,000 dwt	84.40	1	New Times	Akrotiri	2029	
Tankers	114,000 dwt	-	2	Imabari	Carlova	Q4 2029/Q1 2030	
Tankers	114,000 dwt	-	6	Jiangsu Haifeng	Yangzijiang Maritime	2029-2030	
Tankers	7,600 dwt	-	8	Haidong	United Shipping & Trading	2028-2029	
Bulkers	211,000 dwt	77.50	2	Dajin	Evalend	2030	Price per unit
Bulkers	210,000 dwt	-	2	Yangzijiang	Seaspan/Mitsui OSK	2030	against a 25 year TC to Vale with triple-fuel propulsion (ethanol, methanol, HSFO) as is customary where this charterer is concerned
Bulkers	82,000 dwt	-	2	Tsuneishi Zhoushan	DryDel, Greece	2029	
Bulkers	64,500 dwt	35.45	4	Taizhou Sanfu	Precious Shipping, Thailand	2030 (3), 2031 (1)	Price per unit
Container	3,100 teu	-	4	CSSC Huangpu Wenchong	RCL, Thailand	2029/2030	
Container	1,900 teu	-	4	CSSC Huangpu Wenchong	RCL, Thailand	2029/2030	
Container	1,324 teu	-	10+10	Hubei Guangji Green Energy, China	Contships Logistics Corp.	2029	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	2.74%	4.90%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	0.00%	0.00%	2.74%	2.74%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	0.00%	2.99%	2.99%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	0.00%	0.00%	5.08%	5.08%

Giá trị tàu dầu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	0.00%	0.00%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	0.00%	0.00%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	1.35%	1.35%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.00%	0.00%	0.99%	-1.92%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

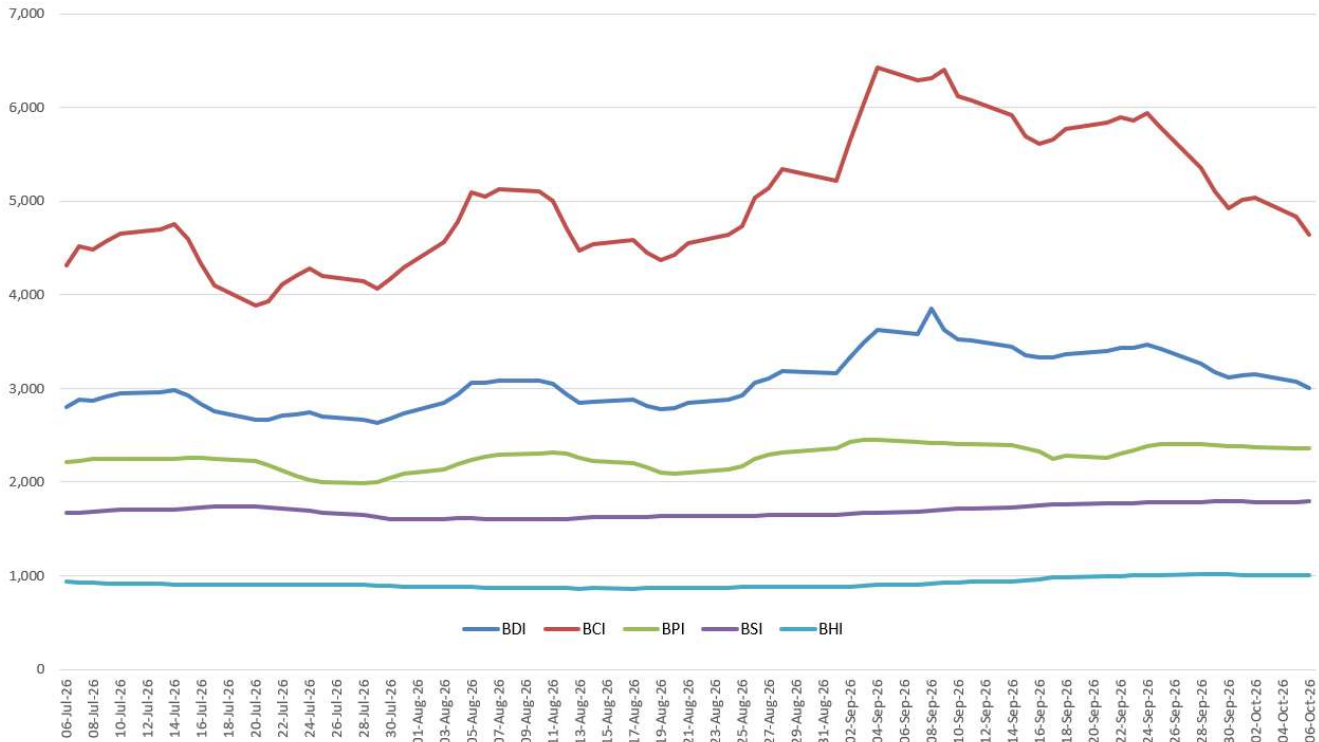
3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 05/10/2026

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	20.585	▲	40
HANDIES 38K	18.117	▲	73

(so sánh với giá trị ngày 28/09/2026)

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Giá dầu giảm sau khi xuất khẩu dầu thô từ Trung Đông tăng lên và nhóm 7 nước công nghiệp phát triển (G7) cam kết tăng nguồn cung, dù đã bán ra bị hạn chế bởi những lo ngại về gián đoạn nguồn cung liên quan đến cuộc chiến Mỹ - Israel với Iran. Theo ghi nhận tại thời điểm báo cáo, giá dầu Brent kỳ hạn giảm 43 cent, tương đương 0,4%, xuống 101,82 đô la Mỹ/thùng, trong khi dầu WTI của Mỹ giảm 1,50 đô la Mỹ, tương đương gần 1,7%, xuống 89,61 đô la Mỹ/thùng. Giá dầu Brent được hỗ trợ bởi đà tăng trở lại của các sản phẩm nhiên liệu, trong bối cảnh kế hoạch của G7 giải phóng dầu thô và dầu diesel trong 4 tháng tới chỉ mang lại sự hỗ trợ ngắn hạn và chưa thể giải quyết những hạn chế mang tính cơ cấu đang tác động đến thị trường sản phẩm tinh chế.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Cước thuê tàu tại khu vực Trung Đông có sự giảm nhẹ vào đầu tuần khi việc khôi phục từng bước đường ống hướng đông-tây của Ả Rập Xê Út giúp khôi phục dòng dầu thô về cảng Yanbu. Theo ghi nhận, đến cuối tuần, sự phụ thuộc nhiều vào hoạt động chuyển tải dầu giữa các tàu tại Oman đã giảm bớt, trong khi cước tuyến Trung Đông đi Trung Quốc tăng lên WS 1.145. Ở khu vực Đại Tây Dương, cước cũng giảm nhẹ tương tự, nhưng sau đó đã phục hồi đối với tuyến Tây Phi đi Trung Quốc, với lô hàng 260.000 tấn, tăng lên WS 519.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	1.234.685	1.286.655	↑
	USG/Trung Quốc	401.101	426.756	↑
Phân khúc tàu Suezmax	Phân khúc tàu Suezmax kết thúc tuần ở mức cao hơn khi nhu cầu chia nhỏ lô hàng VLCC phục hồi nhẹ, qua đó tạo động lực cho thị trường. Cước tuyến Nigeria đi Bắc Âu tăng lên WS 728. Nguồn cung tương đối hạn chế tại khu vực Đại Tây Dương, cùng với nhu cầu dự kiến gia tăng từ Brazil, đã giúp tâm lý thị trường duy trì tích cực trong tuần. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch trầm lắng tại Fujairah đã tạo áp lực giảm trong ngắn hạn. Cước tuyến USG đi Bắc Âu kết thúc tuần ở mức WS 566.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	230.625	500.149	↑
	USG / UKC	229.180	478.367	↑

Phân khúc tàu Aframax

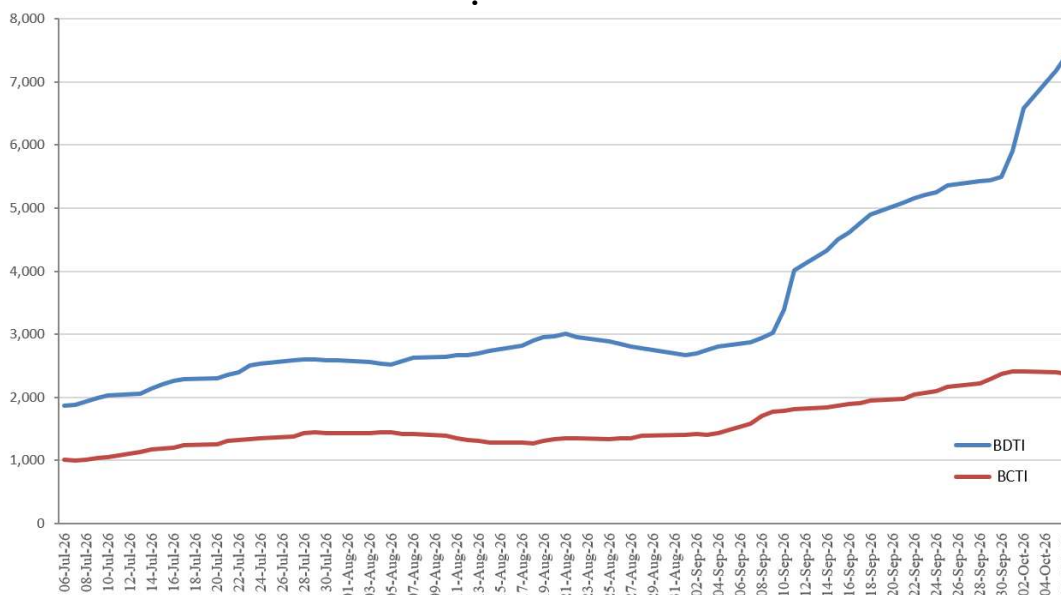
Cước thuê tàu tại Trung Đông tăng mạnh trong tuần này khi các chủ hàng thuê tàu tích cực thu xếp tàu trên thị trường riêng, giúp chủ tàu tiếp tục nắm thế chủ động trong bối cảnh nguồn cung tàu khan hiếm. Ghi nhận tại khu vực Địa Trung Hải, các chủ hàng thuê tàu đang âm thầm giao dịch trong bối cảnh nguồn cung tàu tương đối cân bằng. Theo ghi nhận, cước tuyến Ceyhan – Lavera đối với lô hàng 80.000 tấn giảm nhẹ xuống WS 625, tuy nhiên tâm lý chủ tàu vẫn vững.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	314.796	305.166	↓
Med / Med	288.783	292.576	↑
USG / Cont	213.992	249.280	↑
Caribs / USG	209.169	292.749	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR/Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Đông Nam Á tiếp tục duy trì đà tăng mạnh, với cước tuyến Singapore đi Australia tăng lên WS 525 trước khi tiếp tục được đẩy lên WS 570. Tình trạng ùn tắc kéo dài tại các cảng và lịch trình vận chuyển không chắc chắn tiếp tục gây xáo trộn lịch khai thác của tàu. Trong khi đó, sức mạnh duy trì tại các thị trường Trung Đông và Bồ Tây Ấn Độ đã mang đến cho chủ tàu những lựa chọn hấp dẫn khác, qua đó củng cố lập trường không chấp nhận giảm cước. Chủ tàu vẫn đang nắm lợi thế, mặc dù thị trường có vẻ đang tiến gần đến mức trần. Bên cạnh đó, đây được xem là một tuần rất tích cực đối với phân khúc MR và Handysize tại châu Âu, đặc biệt nếu xét đến tình trạng kém thuận lợi tương đối của các phân khúc này trong thời gian gần đây so với các khu vực và nhóm kích cỡ tàu khác. Theo ghi nhận, cước trên tuyến TC2 (Cont/USAC) và TC6 (Algeria/EU Med) đều tăng mạnh trong tuần. Cước tuyến TC2 tăng từ WS 175 vào thứ Sáu tuần trước lên WS 210 trong tuần này, trong khi TC6 tăng vọt từ WS 260 lên WS 345 trong cùng khoảng thời gian. Nhìn chung, tâm lý thị trường tại khu vực này đang duy trì tích cực khi bước sang tuần tới.

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	500	▼	10	520	▼	10	530	▲	5
2	Bangladesh	510	▲	10	530	▲	10	540	▲	10
3	India	465			485			495		
4	Turkey	300			310-315			325-330		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 40/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Enisey	Tanker	1995	9,912	India	-	43,706	
Cury	Reefer	1983	3,822	Bangladesh	465.00	6,060	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.